

Cú Chi, ngày 24 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN BA CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

Biểu mẫu 01

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG MẦM NON
NGUYỄN THỊ DẬU, NĂM HỌC 2023 – 2024

STT	Nội dung	Trẻ mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	3 - 4 tuổi: Cân nặng: Dựa vào ngày tháng năm sinh, cân nặng của trẻ và căn cứ theo biểu đồ tăng trưởng sự phát triển của trẻ. Chiều cao: Dựa vào ngày tháng năm sinh, chiều cao của trẻ và căn cứ theo biểu đồ tăng trưởng sự phát triển của trẻ. *4 - 5 tuổi: Cân nặng : Dựa vào ngày tháng năm sinh, cân nặng của trẻ và căn cứ theo biểu đồ tăng trưởng sự phát triển của trẻ. Dựa vào ngày tháng năm sinh, chiều cao của trẻ và căn cứ theo biểu đồ tăng trưởng sự phát triển của trẻ. Chiều cao: *5 - 6 tuổi: Cân nặng: Dựa vào ngày tháng năm sinh, cân nặng của trẻ và căn cứ theo biểu đồ tăng trưởng sự phát triển của trẻ. Chiều cao: Dựa vào ngày tháng năm sinh, chiều cao của trẻ và căn cứ theo biểu đồ t- Thực hiện được các động tác phát triển các

		nhóm cơ và hô hấp. - Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động. - Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. - Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến, một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. - Nghe hiểu lời nói, sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. ăng trưởng sự phát triển của trẻ.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư số 17/2009/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo. - Chương trình giáo dục mầm non được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo TT 51/2021-BGDĐT ngày 31/12/2020
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT 1. Phát triển vận động. - Thực hiện được các động tác phát triển các

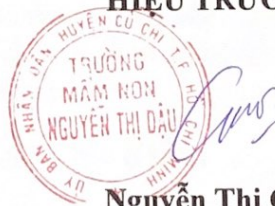
	nhóm cơ và hô hấp. - Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động. - Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt. 2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. - Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC. 1. Khám phá khoa học. - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau. 2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Nhận biết số đếm, số lượng. - Sắp xếp theo qui tắc. - So sánh hai đối tượng. - Nhận biết hình dạng. - Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian. 3. Khám phá xã hội. - Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. - Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ. 1. Nghe hiểu lời nói.
--	--

		2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày. 3. Làm quen với việc đọc – viết. IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI 1. Thể hiện ý thức về bản thân. 2. Thể hiện sự tự tin, tự lực. 3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. 4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. 5. Quan tâm đến môi trường. V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình). 2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình). 3. Thể hiện sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở trường.	- Chăm sóc vệ sinh: + Vệ sinh cá nhân: Lau mặt, rửa tay, vệ sinh sau khi đi vệ sinh. + Vệ sinh phòng (nhóm): Thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi. + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh trong và xung quanh trường, lớp. - Theo dõi thể lực, sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Quản lý tiêm chủng đúng lịch. - Khám sức khỏe định kỳ 1 lần / năm học. - Thực hiện tẩy giun cho trẻ 2 lần/năm học. - Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra

	ở trường. - Phòng và xử lý các bệnh dịch. - Chế độ sinh hoạt: thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. - Chế độ dinh dưỡng: + Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ. + Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, vitamin- muối khoáng. + Hàng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là vào mùa hè. + Đảm bảo ăn uống hợp vệ sinh, đồ dùng ăn uống sạch sẽ. + Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon và hết suất. - Tổ chức các hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ. - Tổ chức hoạt động chơi trong lớp. - Tổ chức hoạt động vui chơi ngoài trời....
--	---

Củ Chi, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

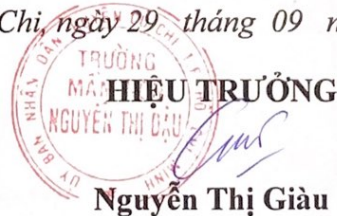


Nguyễn Thị Giàu

CÔNG KHAI
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG
MẦM NON NGUYỄN THỊ DẬU
NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo		
			3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	256			
1	Số trẻ em nhóm ghép	0			
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0			
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	0			
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	256			
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	256			
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	256			
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	256			
1	Số trẻ cân nặng bình thường				
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân				
3	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi				
4	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi				
5	Số trẻ em béo phì				
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	256	35	89	132
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	256	35	89	132

Cử Chi, ngày 29 tháng 09 năm 2023


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Giàu

Biểu mẫu 03

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN THỊ DẬU**

**CÔNG KHAI
THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG
MẦM NON NGUYỄN THỊ DẬU
NĂM HỌC 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	05	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường(m²)	1652,9 m ²	5,6 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	909 m ²	3 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	743,85 m ²	2,5 m ²
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	Từ 36,6 – 67,8 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	≥ 10 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	104 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	96 m ²	0
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng(m ²)	96 m ²	0
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	144m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		10 bộ/10 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	5 bộ	05bộ/10 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	5/10
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	1 điểm trường
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	Máy vi tính: 15 Máy in: 05

X			-Số thiết bị/nhóm (lớp)
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục	01	Ti vi 32 in
1	Ti vi	04	04 đàn organ
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	0	
3	Máy photocopy	01	
5	Cassettes	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	02	- Amply-loa
7	Thiết bị khác	05	1 điểm học
8	Đồ chơi ngoài trời	- Bàn:192	- 2 trẻ/bàn
9	Bàn ghế đúng quy cách	- Ghế: 384	- 1 trẻ/ghế
10	Thiết bị khác...		

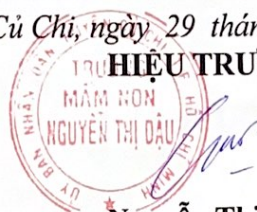
		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho CB-GV-NV	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam / Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09	10	- Bồn tiểu nam: Từ 1- 2 cái/ lớp - Nhà VS:Từ 1-3 cái/ lớp	0,25 – 0,4 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
IX	Kết nối internet (ADSL)	x	

X	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XI	Tường rào xây	X	
..	...		

Củ Chi, ngày 29 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Giàu

Biểu mẫu 04

UBND HUYỆN CÙ CHI
TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN THỊ DẬU

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN
LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN THỊ DẬU
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	23			18	01	01	3	8	7	3	6	12	0	0
I	Giáo viên	15													
1	Mẫu giáo	15			14	01			8	5	2	4	10	0	0
II	Cán bộ quản lý	03			3					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	01			01						01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02					02		02			
III	Nhân viên	04					1								
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên khác	3						3							

Cù Chi, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ DẬU
Nguyễn Thị Giàu